TÒA ÁN NHÂN DÂN K	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DSST
Ngày: 31/7/2025
"Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN K - GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Viễn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Drênh.
2. Bà Ngô Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân k - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân k- Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân k - Gia Lai (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST-DS ngày 25/10/2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-DS, ngày 15/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C;

Địa chỉ: Số 169 L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân N, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Gia Lai (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C);

Địa chỉ: Thôn 1, xã K, tỉnh Gia Lai

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Võ Huy C, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền số: 123/NHCS-GUQ, ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C tỉnh Gia Lai).

Ông Võ Huy C có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1968 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn 3, xã S, tỉnh Gia Lai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024 và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Trong các năm từ 2012 đến 2015, ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H cư trú tại Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là Thôn 3, xã S, tỉnh Gia Lai) có vay tín chấp tại Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C các khoản vay cụ thể như sau:

- Trong thời gian từ ngày 07/11/2012 đến ngày 09/10/2014 ông bà vay vốn chương trình Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền là 23.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng là chi phí cho sinh viên Phạm Thị N, mã món vay số 66000004200157633, lãi suất vay 7,8%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/12/2019. Tính đến ngày 22/10/2024 hộ vay còn nợ số tiền lãi của khoản vay là 16.257.138 đồng. Như vậy, số tiền ông bà còn nợ của khoản vay này là 39.257.138 đồng, trong đó nợ gốc là 23.000.000 đồng và nợ lãi là 16.257.138 đồng.

- Ngày 09/5/2015, ông bà có vay vốn thông qua chương trình cho vay là Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 12.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng xây bể nước và nhà vệ sinh, mã món vay số 6600000704177068, lãi suất vay 9,6%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/5/2019. Tính đến ngày 22/10/2024 hộ vay còn nợ số tiền lãi của khoản vay là 10.145.393 đồng. Như vậy, số tiền ông bà còn nợ của khoản vay này là 22.145.393 đồng, trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng và nợ lãi là 10.145.393 đồng.

- Ngày 09/8/2015, ông N và bà H tiếp tục vay vốn chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng nuôi bò sinh sản, mã món vay số 6600000705182695, lãi suất vay 9%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/8/2018. Tính đến ngày 22/10/2024 hộ vay còn nợ số tiền lãi của khoản vay là 8.535.206 đồng. Như vậy, số tiền ông bà còn nợ của khoản vay này là 38.535.206 đồng, trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 8.535.206 đồng.

Trong thời gian qua hộ vay không chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định, để lãi tồn đọng cao, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng hoạt động của Ngân hàng. Hiện nay 02 khoản vay trên của ông N và bà H đã chuyển sang nợ quá hạn.

Do đó, Ngân hàng C thông qua Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K (nay là Tòa án nhân dân k – Gia Lai) giải quyết buộc ông N và bà H phải trả số tiền nợ vay cả gốc và lãi của hai khoản vay (tính đến ngày 31/7/2025) cho Ngân hàng C là 105.768.526 đồng và số tiền lãi vay phát sinh trong thời gian chưa hộ vay trả hết nợ của hai khoản vay nói trên.

Về phía bị đơn trong vụ án là ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là Thôn 3, xã S, tỉnh Gia Lai). Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông N và bà H vắng mặt, không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay và không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân k - Gia Lai phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên toà, khẳng định: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp; các thủ tục tố tụng cơ bản được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại hồ sơ không thể hiện là Tòa án đã ban hành Thông báo miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định, mặt khác còn có sự vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát; nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó: Buộc ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Ch thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/7/2025 là 105.768.526 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng C ủy quyền cho Phòng Giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Gia Lai khởi kiện ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H để yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo các thỏa thuận tại Sổ vay vốn. Theo quy định thì đây là một dạng hợp đồng tín dụng do đó đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ông N và bà H có địa chỉ cư trú tại Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là Thôn 3, xã S, tỉnh Gia Lai) do đó Tòa án nhân dân huyện K (nay là Tòa án nhân dân k – Gia Lai) thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nêu trên nhưng đều vắng mặt không lý do. Chính vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là đúng với quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Trong các năm từ 2012 đến 2015, ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H cư trú tại Thôn 3, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là Thôn 3, xã S, tỉnh Gia Lai) có vay tín chấp tại Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C các khoản vay cụ thể như sau:

- Trong thời gian từ ngày 07/11/2012 đến ngày 09/10/2014 ông bà vay vốn chương trình Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền

là 23.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng là chi phí cho sinh viên Phạm Thị N, mã món vay số 66000004200157633, lãi suất vay 7,8%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/12/2019.

- Ngày 09/5/2015, ông bà có vay vốn thông qua chương trình cho vay là Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 12.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng xây bể nước và nhà vệ sinh, mã món vay số 6600000704177068, lãi suất vay 9,6%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/5/2019.

- Ngày 09/8/2015, ông N và bà H tiếp tục vay vốn chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng nuôi bò sinh sản, mã món vay số 6600000705182695, lãi suất vay 9%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/8/2018.

Xét việc hai bên ký kết hợp đồng hợp đồng tín dụng nói trên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật dân sự và tại các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên hợp đồng này là hợp pháp đồng thời phát sinh các quyền và nghĩa vụ sau khi ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù đã đến hạn trả gốc và lãi định kỳ nhưng bên vay không trả là đã vi phạm những cam kết mà các bên đã thỏa thuận khi ký kết Hợp đồng và cũng chính vì vậy khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H phải trả nợ gốc và lãi phát sinh. Yêu cầu đó là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Xét việc thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối chiếu bảng sao kê về lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2025, ông N và bà H còn nợ Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền lãi của khoản vay 23.000.000 đồng là 18.052.613 đồng, tiền lãi của khoản vay 12.000.000 đồng là 11.298.340 đồng và tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng là 11.417.573 đồng.

Như vậy, cần buộc ông N và bà H phải trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C toàn bộ số nợ cả gốc và lãi nói trên là phù hợp.

Đối với bị đơn trong vụ án là ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông N và bà H có thái độ thiếu tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình mà còn gây cản trở cho Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông N và bà H đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để

quyết định về vụ án là hợp lý, ông bà phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Áp dụng các Điều 119, 463, 466, 468, 470 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Gia Lai số tiền nợ gốc của 03 khoản vay là 65.000.000 đồng, tiền nợ lãi của 03 khoản vay là 40.768.526 đồng, tổng cộng hai khoản là 105.768.526 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2025) ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn N và bà Bùi Thị H phải chịu 5.288.426 đồng (*Năm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND k – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (Phòng Thi hành án dân sự k);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Huy Viễn